TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 426/2017/QĐST-HNGĐ	*Pleiku, ngày 14 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án về tranh chấp Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 663/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"* giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Ngọc C sinh năm 1988; Địa chỉ: 175A Huỳnh Ngọc H, tổ 29 phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- **Bị đơn**: Anh Trương Đình T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 01, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Ngọc C và anh Trương Đình T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân chị Bùi Thị Ngọc C và anh Trương Đình T có 02 con chung là: Trương Đình K – sinh ngày 21/5/2011 và Trương Thị Ngọc H – sinh ngày 29/10/2013. Sau khi ly hôn, chị C và anh T thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

- Giao chị Bùi Thị Ngọc C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trương Đình K – sinh ngày 21/5/2011 và Trương Thị Ngọc H – sinh ngày 29/10/2013 cho đến khi con K và con H đã thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Anh Trương Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Bùi Thị Ngọc C để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trương Đình K – sinh ngày 21/5/2011 và Trương Thị Ngọc H – sinh ngày 29/10/2013 là 2.000.000 đồng/tháng/02 con (1.000.000đồng/tháng/ 01 con), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2017 cho đến khi 02 con đã thành niên hoặc đã thành niên mất

năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáp dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:

Chị Bùi Thị Ngọc C và anh Trương Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

Án phí hòa giải thành về ly hôn là 150.000 đồng, chị Bùi Thị Ngọc C phải chịu 75.000 đồng và anh Trương Đình T phải chịu 75.000 đồng. Ngoài ra anh T còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Tuy nhiên, chị C tự nguyện chịu thay án phí cho anh T, nên chị C có nghĩa vụ chịu án phí tổng cộng là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị Ngọc C đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003691 ngày 18 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố P, Gia Lai;
- THADS thành phố P, Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố P, Gia Lai;
(Số 06; Quyển số 01/2011 ngày 10/02/2011);
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

Đoàn Xuân Hòa